TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 11 năm 2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Trầm
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Anh
  Bà Lê Thị Huyên
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Vi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Hồng Nam – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2022 về việc ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Văn Anh T**, sinh năm 1964
Địa chỉ: Baechliwis 5, 8184 bachenbuelach ZH, Switzerland (Thụy Sĩ).
Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1975
Địa chỉ thường trú: tổ dân phố D 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh K.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, bản tự khai ngày 15/8/2022, nguyên đơn ông Văn Anh T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 20/01/2009 tại Thụy Sĩ. Tuy nhiên, một thời gian sau, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, kình cãi, bất đồng quan điểm sống. Sau đó, bà T bỏ về Việt Nam sống nên cả hai không có điều kiện quan tâm,chăm sóc lẫn nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ gia đình không có nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Bà đồng ý với lời khai của ông Văn Anh T như trong đơn khởi kiện về điều kiện, hoàn cảnh cũng như tình trạng hôn nhân. Trong suốt quá trình hôn nhân, giữa bà và ông T

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thiếu tôn trọng nhau. Dù đã hòa giải, nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết nhưng cả hai không hiểu và thông cảm cho nhau , không tin tưởng và không còn sống chung từ lâu. Nay ông Văn Anh T xin ly hôn, bà đồng ý. Về con chung, không có. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn cũng đã có bản tự khai đồng ý ly hôn và có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Văn Anh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Văn Anh T (Văn, Anh Tuan) và bà Nguyễn Thị Minh T đăng ký kết hôn ngày 20/01/2009 tại Thụy Sĩ theo Trích lục ghi chú kết hôn số 06/2022/TLGCKH ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện D nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Do điều kiện hoàn cảnh cả hai ở xa, ông T sinh sống làm việc tại Thụy Sĩ, bà T sống tại Việt Nam nên không có sự đồng cảm chia sẻ quan tâm,chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có nên ông T yêu cầu được ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T là có căn cứ và phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà T xác nhận không có con chung nên không giải quyết

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí: Ông Văn Anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Ông Văn Anh T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 153, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Văn Anh T (Van Anh Tuan) được ly hôn bà Nguyễn Thị Minh T.*

2.Về con chung: không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Văn Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009947 ngày 14/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Văn Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Văn Anh T phải chịu chi phí gửi bản án.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ở nước ngoài được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;*
- *UBND huyện Diên Khánh*
- *Đương sự*
- *Lưu AV, HS*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trầm